



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

NĂM 2007

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 4/2008

www.vtctelecom.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên tổ chức phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Năm báo cáo: 2007

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1. Việc thành lập, chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần và quá trình phát triển.

Vào năm 1986, một nhóm kỹ sư thuộc Tổng cục Bưu điện Việt Nam được giao thực hiện tại Hà Nội một đề tài khoa học cấp Nhà nước là “Nghiên cứu chế thử Tổng đài Kỹ thuật số”. Cuối năm 1987, đề tài được chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh để tiếp tục triển khai cùng với sự cộng tác của một công ty thuộc Cộng hòa Liên bang Đức là Công ty VIBA Handel GmbH.

Năm 1988, trên cơ sở của đề tài này, Xí nghiệp Liên doanh Sản xuất Thiết bị Viễn thông Việt Nam, Vietnam Telecommunications Company – VTC, được thành lập giữa một bên là Tổng cục Bưu điện Việt Nam – GDPT (chiếm 70% vốn) và một bên là Công ty VIBA Handel GmbH (30%) với tổng vốn liên doanh là 500.000 USD. Cũng trong năm này, Tổng đài Điện thoại Kỹ thuật số DTS – 480 dung lượng 480 line đầu tiên do Xí nghiệp VTC sản xuất đã được lắp đặt và vận hành trên mạng viễn thông Việt Nam.

Trong suốt 5 năm liên doanh từ 1988 đến 1993, Xí nghiệp Liên doanh Sản xuất Thiết bị Viễn thông Việt Nam (VTC) đã liên tục cho ra đời các sản phẩm DTS – 128, DTS – 256, DTS – 512 là các thiết bị chuyển mạch số dung lượng 128, 256 và 512 line đáp ứng kịp thời nhu cầu trang bị tổng đài số cho mạng viễn thông nông thôn Việt Nam từ cấp huyện trở xuống.

Sau năm 1993, Xí nghiệp Liên doanh Sản xuất Thiết bị Viễn thông Việt Nam (VTC) hết thời hạn hoạt động, toàn bộ phần góp vốn về người và tài sản của GDPT trong liên doanh được sáp nhập vào Công ty Thiết bị Điện thoại (VITECO) dưới hình thức thành lập Trung tâm Nghiên cứu Sản xuất và Bảo dưỡng Thiết bị Thông tin 1 (VTC1) tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trung tâm này là một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty VITECO có trụ sở tại Hà Nội.

Trong giai đoạn từ năm 1994 đến năm 1999, Trung tâm Nghiên cứu Sản xuất và Bảo dưỡng Thiết bị Thông tin 1 (VTC1) tiếp tục hoàn thiện các sản phẩm thiết bị chuyển mạch số, đưa tính năng của sản phẩm đạt mức tương thích với tất cả các thiết bị chuyển mạch nhập ngoại của các hãng nổi tiếng trên thế giới như Alcatel, Siemens, Ericsson v.v... Qua đó, Công ty đã khẳng định mình là nhà cung cấp lớn thiết bị chuyển mạch sản xuất tại Việt Nam cho mạng lưới viễn thông nông thôn với số thuê bao điện thoại hữu tuyến do thiết bị của VTC sản xuất chiếm 5% (hơn 50.000 lines) tổng số thuê bao hữu tuyến tại Việt Nam, trải khắp 3 miền Bắc Trung Nam.

Cùng trong thời gian đó, một hoạt động khác của VTC là dịch vụ lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị viễn thông (chủ yếu là mạng điện thoại cố định số hóa trên toàn quốc mà VITECO là đơn vị duy nhất của Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam thành lập để phục vụ cho nhiệm vụ chiến lược này) đã liên tục phát triển. Cho đến nay, dịch vụ này vẫn chiếm một tỷ trọng lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Trung tâm Vận hành Bảo dưỡng (OMC).

Ngày 01 tháng 07 năm 1999, Trung tâm Nghiên cứu Sản xuất và Bảo dưỡng Thiết bị Thông tin 1 (VTC1) trực thuộc VITECO đã được cổ phần hóa thành Công ty Cổ phần Viễn thông VTC theo hình thức chuyển một bộ phận Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 618/1999/QĐ-TCCB của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện. Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 15 tỷ đồng Việt Nam, trong đó cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam nắm giữ 45% cổ phần.

Ngày 30 tháng 12 năm 1999, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056681 công nhận hoạt động kinh doanh của Công ty dưới hình thức cổ phần.

Ngày 12 tháng 08 năm 2002, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh bổ sung xác nhận vốn điều lệ là 18 tỷ đồng Việt Nam.

Ngày 12 tháng 02 năm 2003, VTC chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Từ năm 2006 đến nay, Công ty đã 2 lần tăng vốn điều lệ Công ty, cụ thể:

- Năm 2006: tăng từ 18.000.000.000 (*Mười tám tỷ*) đồng lên 24.150.000.000 (*Hai mươi bốn tỷ một trăm năm mươi triệu*) đồng từ nguồn lợi nhuận tích lũy của Công ty để chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông và cán bộ chủ chốt của Công ty.
- Năm 2007: tăng từ 24.150.000.000 (*Hai mươi bốn tỷ một trăm năm mươi triệu*) đồng lên 26.081.870.000 (*Hai mươi sáu tỷ tám mươi một triệu tám trăm bảy mươi ngàn*) đồng từ nguồn lợi nhuận tích lũy của Công ty để trả cổ tức năm 2006 cho cổ đông.

Hiện nay, Vốn điều lệ của Công ty là **26.081.870.000** (*Hai mươi sáu tỷ tám mươi một triệu tám trăm bảy mươi ngàn*) đồng.

2. Ngành nghề kinh doanh và tình hình hoạt động.

Công ty cổ phần Viễn thông VTC là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ kỹ thuật mạng lưới viễn thông. Công ty cũng là một trong những đơn vị đầu tiên trong cả nước sản xuất thẻ SIM GSM, thẻ từ, thẻ IC, thẻ cào các loại để cung cấp cho các dịch vụ trả tiền trước cũng như các dịch vụ khác. Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là:

- *Nghiên cứu, sản xuất, lắp ráp các thiết bị bưu chính, viễn thông, điện, điện tử và tin học. Xây lắp, lắp đặt, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các công trình viễn thông, điện, điện tử và tin học.*
- *Sản xuất các loại thẻ dùng trong lĩnh vực tin học, viễn thông, bảo vệ và các ứng dụng khác.*
- *Kinh doanh các thiết bị viễn thông bao gồm card tổng đài, thiết bị truy nhập, cáp viễn thông, thiết bị chống sét, thiết bị truyền dẫn, nguồn, battery...*

Ngày 01 tháng 01 năm 2001, Trung tâm sản xuất Thẻ thông minh trực thuộc Công ty cổ phần Viễn thông VTC - được thành lập dưới hình thức Hợp đồng hợp tác kinh doanh (Hợp đồng HTKD) giữa Công ty VTC với Công ty TNHH Thiên Việt- chính thức đi vào hoạt động. Thời hạn hoạt động của Trung tâm sản xuất Thẻ thông minh là 20 năm với tổng số vốn đầu tư theo Hợp đồng HTKD là 11.400.000.000VNĐ (*Mười một tỷ bốn trăm triệu đồng*). Trong đó, Công ty VTC góp 60% và Công ty Thiên Việt góp 40% tổng số vốn đầu tư và được chia làm 3 giai đoạn.

Ngày 01 tháng 05 năm 2003, hai bên thống nhất ký bản phụ lục số 01 của hợp đồng hợp tác kinh doanh số: 145/HĐHTKD/VTC-TV/2000 ngày 15/11/2000 quyết định điều chỉnh tăng tổng vốn đầu tư cho Trung tâm sản xuất thẻ thông minh từ 11.400.000.000 (*Mười một tỷ bốn trăm*

triệu) đồng lên 22.500.000.000 (Hai mươi hai tỷ năm trăm triệu đồng) theo tỷ lệ VTC 60% và Thiên Việt 40%.

Đến thời điểm 31/12/2007, tiến độ góp vốn của VTC và Thiên Việt cụ thể như sau:

Đơn vị: triệu VND

TT	Đối tác	Giai đoạn I	Giai đoạn II	Giai đoạn III	Vốn góp bổ sung	Tổng cộng	Tỷ lệ
1	Công ty VTC	240	600	6.000	6.400,70	13.240,70	60%
2	Công ty Thiên Việt	160	400	4.000	4.267,14	8.827,14	40%
Tổng cộng		400	1.000	10.000	10.667,84	22.067,84	100%

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Trung tâm Sản xuất Thẻ Thông minh là ký kết và thực hiện các hợp đồng cung cấp thẻ cào trả trước cho dịch vụ điện thoại di động, Internet, điện thoại internet, khuyến mãi; thẻ SIM cho điện thoại di động, điện thoại cố định không dây; sản phẩm thẻ ID; giải pháp và hệ thống quản lý nhân sự, quản lý ra vào và các sản phẩm khác theo yêu cầu của khách hàng. Đồng thời, Trung tâm đang nghiên cứu hướng phát triển tiếp theo của dự án sản xuất thẻ thông minh.

Trung tâm Sản xuất Thẻ là đơn vị có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, hoạt động độc lập tự chủ về mặt kinh doanh phù hợp với mục tiêu của hợp đồng hợp tác kinh doanh. Trung tâm chịu sự quản lý hành chính trực tiếp của VTC, tuân thủ các quy định về tài chính của Công ty và của hợp đồng hợp tác kinh doanh.

3. Định hướng phát triển:

Định hướng phát triển của Công ty là trở thành hệ thống công ty hoạt động đa dạng trên nhiều lĩnh vực trong ngành viễn thông, điện tử, thông tin gồm nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất, thương mại, cung cấp thiết bị; cung cấp dịch vụ, tư vấn giải pháp kỹ thuật, đầu tư hạ tầng, khai thác dịch vụ mạng lưới, công trình viễn thông, điện tử, tin học; đồng thời là nhà sản xuất, cung cấp sản phẩm công nghệ thẻ thông minh và bảo mật hàng đầu tại Việt Nam và khu vực.

II. BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

So với năm 2006, Doanh thu năm 2007 của Công ty giảm **20,06%** nhưng lợi nhuận sau thuế lại tăng **17,92%**, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu đạt **6,80%**, tỷ suất lợi nhuận trên VDL đạt **22,35%**. Qua những con số trên đã chứng minh:

Năm 2007, mặc dù trong điều kiện thị trường cạnh tranh khốc liệt nhưng Công ty vẫn kinh doanh hiệu quả và quản lý tốt về mặt chi phí, cụ thể:

- Các lĩnh vực hoạt động truyền thống của Công ty như bảo dưỡng, xây lắp, thương mại vẫn duy trì và phát triển tốt. Ngoài ra, Công ty còn mở rộng thêm mảng dịch vụ kỹ thuật mới như mảng thông tin di động, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa các hệ thống và các trạm BTS, ADSL; phát triển thị trường ra các đơn vị ngoài VNPT như Công ty viễn thông điện lực EVN, Viettel, S-phone... Công ty chú trọng không kinh doanh sản phẩm cấp do lợi nhuận thấp mà chú trọng đưa ra các giải pháp kỹ thuật, tối ưu mạng lưới và cung cấp thiết bị; làm nhà thầu phụ cho các hãng viễn thông lớn về lắp đặt thiết bị ADSL, thiết bị truyền dẫn, BTS; chú trọng hoạt động sửa chữa thiết bị và duy trì nâng cao công tác bảo dưỡng tổng đài. Do vậy,

doanh thu năm 2007 tuy không đạt kế hoạch nhưng lợi nhuận lại tăng cao hơn lợi nhuận thực hiện năm 2006.

- Riêng mảng kinh doanh của Trung tâm thẻ có chiều hướng xấu do đầu tư không kịp thời; không đủ năng lực để cạnh tranh dẫn đến thị phần trong năm 2007 giảm so với các năm trước. Trong năm mặc dù sản lượng sản xuất đã tăng hơn gấp đôi nhưng do giá gia công thẻ cào và thẻ SIM đã giảm mạnh do cạnh tranh trên thị trường nội địa và quốc tế nên Lợi nhuận của Trung tâm cũng đã giảm đáng kể.

IV. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính

1.1. Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2006	31/12/2007
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng số tài sản	%	85,12	91,02
- Tài sản dài hạn/ Tổng số tài sản	%	14,88	8,98
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	43,23	56,06
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	56,77	43,94
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán hiện hành (TSNH/Nợ PT)	Lần	1,97	1,62
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (TSNH/ Nợ NH)	Lần	2,00	1,82
2.3. Khả năng thanh toán nhanh (Tiền+ĐTưNH/Nợ NH)	Lần	0,29	0,11
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	5,41	8,21
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	4,62	6,81
3.2. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	7,06	6,32
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	6,02	5,24
3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn CSH	%	9,28	11,38

1.2. Những thay đổi về vốn cổ đông

- **Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...):**
Tất cả cổ phiếu do Công ty VTC phát hành đều là cổ phiếu phổ thông với tổng số cổ phiếu niêm yết hiện tại là **2.608.187** cổ phiếu.
- **Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại**
Công ty chưa phát hành bất cứ loại trái phiếu nào.
- **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:**
 - Tổng số cổ phiếu thường: **1.397.476** cổ phiếu chiếm **53,58%** tổng số cổ phiếu đã phát hành.
 - Tổng số cổ phiếu có điều kiện: **1.210.711** cổ phiếu chiếm **46,42%** t tổng số cổ phiếu đã phát hành.
- **Số lượng cổ phiếu quỹ: 5.553** cổ phiếu.

- **Cổ tức:** Tình hình chi trả cổ tức trong vòng 5 năm:

Năm	Vốn Điều lệ (đồng)	Trả cổ tức (%)	Tổng số cổ tức đã trả (đồng)
2003	18,000,000,000	13,5	2,411,694,000
2004	18,000,000,000	13,5	2.430.000.000
2005	18,000,000,000	13,5	2.430.000.000
2006	24,150,000,000	8% ⁽¹⁾	
2007 ⁽²⁾	26,081,870,000	dự kiến 12%	
Tổng cộng			11.360.071.000

⁽¹⁾: Năm 2006, Công ty trả cổ tức bằng cổ phiếu, tăng vốn Điều lệ Công ty lên 26.081.870.000 VNĐ.

⁽²⁾: Vốn Điều lệ của Công ty hiện tại là 26.081.870.000 VNĐ.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2007

2.1 Các chỉ tiêu cơ bản.

a. Toàn công ty.

Đơn vị: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2006	NĂM 2007			
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	SO VỚI 2006	MỨC ĐỘ HT KH
1	Tổng doanh thu	107.108	125.000	85.619	79,94%	68,50%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	5.792	9.285	7.028	121,34%	75,69%
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	4.944	7.394	5.830	117,92%	78,85%
4	Tổng quỹ lương	9.437	14.837	11.845	125,52%	79,83%
5	Lãi phân chia, trích lập quỹ					
5.1	Chia lãi cổ đông	8% (CP)	12%	Dự kiến 12%	150%	100%
5.2	Chia cho Thiên Việt	1.139	1.420	1.078	94,64%	75,92%
5.3	Quỹ dự phòng tài chính	247	370	215	87,04%	58,11%
5.4	Quỹ khuyến mãi khách hàng	0	500	300		60,00%
5.5	Quỹ đầu tư phát triển	494	739	430	87,04%	58,19%
5.6	Quỹ khen thưởng phúc lợi	494	739	683	138,26%	92,42%

- Tổng doanh thu năm 2007 là **85.619 triệu đồng**, bằng **79,94%** so với năm 2006 và đạt **68,50%** kế hoạch đề ra.
- Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2007 là **5.830 triệu đồng**, bằng **117,92%** so với năm 2006 và đạt **78,85%** kế hoạch đề ra. Trong đó đã hạch toán khoản lỗ **1.078 triệu đồng** tiền vật tư tồn kho lạc hậu không sử dụng được từ hoạt động nghiên cứu và sửa chữa được mua trong các năm 2000- 2004 của văn phòng công ty, nhưng do mấy năm trước lợi nhuận văn phòng công ty thấp nên đã không xử lý dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

b. Các đơn vị.
❖ Khối văn phòng công ty.

Trong năm 2007, do tình hình thị trường, Khối văn phòng đã thay đổi nội dung hoạt động dịch vụ, thương mại so với dự trù trong kế hoạch như:

- Mở rộng hoạt động sửa chữa, không tham gia ký kết các gói thầu xây lắp có giá thấp.
- Hạn chế kinh doanh cáp đồng và cáp quang.
- Cung cấp thiết bị thương mại kèm giải pháp kỹ thuật.
- Làm thầu phụ lắp đặt cho các hãng nước ngoài.

Do điều chỉnh nội dung hoạt động nên doanh thu không đạt được như dự kiến, nhưng lợi nhuận tăng đáng kể, tình hình cụ thể như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	KHỐI VĂN PHÒNG	THỰC HIỆN 2006	KẾ HOẠCH 2007	THỰC HIỆN 2007	SỐ VỚI NĂM 2006	MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH KH
1	Doanh thu bảo dưỡng	2,742	2,000	3,263	119.00%	163.15%
2	Doanh thu sửa chữa	1,656	2,000	3,059	184.72%	152.95%
3	Doanh thu lắp đặt	6,748	9,500	8,818	130.68%	92.82%
4	Doanh thu thương mại	23,651	27,500	17,088	72.25%	62.14%
5	Doanh thu sản phẩm	1,298	1,000	2,373	182.82%	237.30%
6	Doanh thu dịch vụ	-	2,000			
	Tổng doanh thu	36,095	44,000	34,601	95.86%	78.64%
	Tổng lợi nhuận trước thuế	873	2,725	2,082	238,49%	76,40%
	Tổng lợi nhuận sau thuế	724	1,962	1,527	210,91%	77,83%

Kết quả trên được tính sau khi đưa vào hạch toán lỗ 1.078 triệu đồng tiền vật tư tồn kho, khoản vật tư được mua sắm cho hoạt động nghiên cứu và sửa chữa từ các năm 2004 trở về trước nay không sử dụng được và chưa được hạch toán lỗ vào các năm trước.

Hoạt động dịch vụ kỹ thuật:

- Doanh thu hoạt động bảo dưỡng là **3.263 triệu đồng** tăng **19%** so với năm 2006 và đạt **163,15%** kế hoạch đề ra
- Doanh thu hoạt động sửa chữa là **3.059 triệu đồng** tăng **84,72%** so với năm 2006 và đạt **152,95%** kế hoạch đề ra
- Nỗ lực hoạt động trong lĩnh vực xây lắp đã giúp doanh số đạt **8.818 triệu đồng** tăng **30,68%** so với năm 2006 và đạt **92,82%** kế hoạch đề ra.
- Ngoài dịch vụ kỹ thuật trong lĩnh vực tổng đài cố định như các năm trước, công ty đã mở rộng hoạt động sang lĩnh vực băng rộng, truyền dẫn, di động, đóng góp vào doanh thu trong năm.

Hoạt động kinh doanh thương mại:

- Doanh thu thương mại từ là **17.088 triệu đồng**, bằng **72,25%** so với năm 2006 và đạt **62,14%** kế hoạch đề ra.

Doanh thu sản phẩm:

Doanh thu từ việc tái hoạt động cho thuê các sản phẩm nhập ngoại và bán sản phẩm tự sản xuất năm 2007 là **2.373 triệu đồng** bằng **182,82%** so với năm 2006, đạt **237,30%** kế hoạch đề ra.

❖ Trung tâm sản xuất Thẻ Thông Minh

Trung tâm sản xuất Thẻ Thông Minh là đơn vị đóng góp doanh thu quan trọng nhất trong công ty. Sản lượng năm 2007:

- Thẻ cào **57.000.000** cái.
- Thẻ Sim: **629.200** cái.
- Các loại thẻ khác **20.000** cái.

(Số liệu năm 2006 là 33.900.000 thẻ cào, 1.628.000 thẻ SIM và 20.000.000 thẻ ID)

Tuy nhiên do giá cả các mặt hàng thẻ giảm mạnh nên tuy sản lượng tăng mà vẫn không hoàn thành chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận. Bên cạnh đó do đầu tư không kịp thời từ các năm trước nên không đủ năng lực để cạnh tranh, không chủ động được trong công tác kinh doanh và hợp tác với đối tác trong và ngoài nước dẫn đến thị phần năm 2007 giảm so với các năm trước đây và cũng là nguyên nhân chính dẫn đến sự sụt giảm về doanh thu và lợi nhuận của Trung Tâm Thẻ bên cạnh nguyên nhân xây dựng kế hoạch không sát. Sau đây là một số chỉ tiêu cơ bản:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2006	KẾ HOẠCH 2007	THỰC HIỆN 2007	SO VỚI NĂM 2006	MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH KH
1	Tổng doanh thu	42,744	50,000	31,710	74.19%	63.42%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	4,323	5,960	4,306	99.61%	72.25%
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	3,797	5,000	3,858	101.61%	77.16%

❖ Chi nhánh Hà nội.

Năm 2007 Chi nhánh Hà Nội không hoạt động thương mại đơn thuần như các năm trước, mà đã mở rộng thêm hoạt động dịch vụ kỹ thuật đã nâng số nhân viên từ 15 lên 40 người. Chi nhánh là đơn vị cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, hỗ trợ kỹ thuật các hệ thống tổng đài, MSAN, ADSL, BTS và các sản phẩm viễn thông cho khách hàng chủ yếu là các Bưu điện tỉnh thành phố như: Hà Nội, Hải Phòng, Hưng Yên, Hà Giang, Tuyên Quang, Yên Bái, Bắc Giang, Lạng Sơn, Cao Bằng, Vĩnh Phúc, Quảng Trị, Quảng Bình, Thanh Hoá, Hà Tĩnh, Nghệ An. Hiện nay Chi nhánh đang làm thầu phụ về lắp đặt thiết bị cho các hãng viễn thông lớn trong khu vực và thế giới như HuaWei, Alcatel, ZTE, UTstarcom.

Năm 2007 Chi nhánh Hà Nội đã hoàn thành chỉ tiêu về lợi nhuận. Các chỉ tiêu cơ bản của Chi nhánh Hà nội như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2006	KẾ HOẠCH 2007	THỰC HIỆN 2007	SO VỚI NĂM 2006	MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH KH
1	Tổng doanh thu	28,269	31,000	19,308	68.30%	62.28%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	595	600	640	107.56%	106.67%
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	423	432	445	105.20%	103.01%

Điểm lưu ý đối với hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Hà Nội là khoản phải thu và phải trả khá lớn (*khoảng 30 tỷ đồng*), nguyên nhân là hợp đồng cung cấp cáp thực hiện với Bưu điện Hưng Yên và hợp đồng xây lắp với Bưu điện Lạng Sơn thuộc vốn đầu tư của Tập đoàn nên chỉ quyết toán được vào quý 2 năm 2008.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Xây dựng chiến lược phát triển Công ty phù hợp với môi trường và quy mô của Công ty trong giai đoạn mới.
- Ban hành các chính sách quản trị phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Chú trọng công tác bổ sung nguồn nhân lực cấp cao đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong giai đoạn mới.
- Xây dựng và hoàn thiện mô hình Tổng Công ty và các Công ty thành viên.
- Đẩy nhanh việc triển khai các dự án đã đưa vào hoạt động và hình thành các dự án khả thi mới phù hợp với chiến lược lâu dài và nguồn lực của Công ty.
- Xây dựng phương án phát hành cổ phiếu đợt 2 tăng vốn Điều lệ lên trên 80 tỷ đồng để đầu tư giai đoạn 2 cho các dự án đã triển khai và các dự án mới.

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Xem phụ lục đính kèm.

IV. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập.

- **Công ty Kiểm toán và Dịch vụ tin học (AISC)**
Địa chỉ: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Tp.HCM
Điện thoại: (08) 930 5163, Fax: (08) 9304281, Email: aisc@hcm.vnn.vn
Website: www.aisc.com.vn
- **Ý kiến kiểm toán độc lập:** Không có ý kiến loại trừ (xem Báo cáo tài chính đính kèm).

2. Kiểm toán nội bộ

Công ty không tổ chức kiểm toán nội bộ - xem Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2007.

V. CÁC ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

1. Trung tâm Sản xuất Thẻ thông minh

Trung tâm Sản xuất Thẻ thông minh là chi nhánh của Công ty Cổ phần Viễn thông VTC, thành lập theo hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Viễn thông VTC góp 60% vốn và Công ty TNHH Thiên Việt góp 40% vốn.

Trung tâm Sản xuất Thẻ thông minh bắt đầu hoạt động từ ngày 01/01/2001, hiện nay trụ sở chính của Trung tâm đặt tại 750B Điện Biên Phủ, Quận 10, TpHCM và có 01 xưởng sản xuất đặt tại 480/81A1 Lê Quang Định, Bình Thạnh, TpHCM.

Sản phẩm chính hiện nay của Trung tâm Sản xuất Thẻ Thông minh là các loại thẻ cào cung cấp cho các dịch vụ trả tiền trước (Prepaid) của những nhà cung cấp dịch vụ viễn thông và tin học trong nước. Ngoài ra, Trung tâm còn sản xuất các loại thẻ nhận dạng có hoặc không có cài đặt vi mạch tích hợp (IC) được sử dụng làm thẻ nhân viên, thẻ truy nhập v.v...

Ngoài việc phát triển sản xuất thẻ cào, thẻ SIM, thẻ nhân viên, hệ thống chăm công, hệ thống kiểm soát ra vào, hệ thống thu phí giao thông / thiết bị giao thông,... Hiện nay, Công ty đang có

kế hoạch triển khai sản xuất thẻ thông minh không tiếp xúc (mifare smart card contactless). Thẻ này sẽ là loại thẻ nền tảng của tương lai với sự ứng dụng ngày càng nhiều trong lĩnh vực thu phí giao thông và các ứng dụng khác.

Các thông tin về tài chính của Trung tâm Sản xuất Thẻ thông minh (*xem phụ lục đính kèm*).

2. Công ty cổ phần Công nghệ mạng Việt thành công

Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng Việt Thành Công (VTC NetWork) được thành lập và chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 30/11/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4103008609 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 11 năm 2007 với vốn điều lệ là 20.000.000.000 đồng, trong đó:

- Công ty Cổ phần Viễn thông VTC góp: 40%
(VTC góp vốn giai đoạn 1 là 4 tỷ đồng)
- Công ty Cổ phần Điện- Điện tử- Viễn thông Sao Bắc Đẩu: 30%
- Các thể nhân khác: 30%

❖ Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh chính:

- Cung cấp cơ sở hạ tầng viễn thông- truyền hình và làm trung gian cho thuê hạ tầng này đến các nhà cung cấp dịch vụ truyền hình, viễn thông, internet, thông tin di động tại các toà nhà cao tầng, các khu đô thị mới và hiện đại;
- Cung cấp dịch vụ internet và dịch vụ giá trị gia tăng cho cư dân ở những khu đô thị mới và các khu vực khác;
- Cung cấp dịch vụ kỹ thuật và thương mại về viễn thông, internet, mạng truyền dẫn máy tính, ... cho doanh nghiệp và cư dân trong các khu dân cư và toàn xã hội.

Hiện Công ty VTC Networks hiện đã ký kết hợp đồng và thực hiện triển khai thi công lắp đặt hệ thống internet, điện thoại, tăng cường sóng di động, truyền hình cáp cho các Khu dân cư cao cấp Saigon Pearl, Trần Thái và 5 khu cao ốc khác. Dự kiến năm 2008 sẽ thực hiện 40 hợp đồng. Đây cũng là hoạt động đầu tư hạ tầng nên đòi hỏi vốn và thời gian hoàn vốn lớn.

3. Công ty cổ phần Công nghệ tích hợp

Công ty cổ phần Công nghệ tích hợp (Công ty ITE) được thành lập trên cơ sở hợp tác với Công ty cổ phần VDI với vốn điều lệ là **5.000.000.000 đồng** (Năm tỷ đồng), trong đó:

- Công ty Cổ phần Viễn thông VTC góp: 51%
(VTC góp vốn giai đoạn 1 là 663 triệu đồng)
- Công ty cổ phần kỹ thuật VDI góp: 25%
- Các thể nhân khác góp: 24%

Hiện nay đã hoàn tất thủ tục thành lập Công ty ITE để thực hiện sản xuất sản phẩm. Một số hợp đồng của khách hàng chuẩn bị chờ ký kết với Công ty mới.

VI. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của Công ty.

Công ty cổ phần Viễn thông VTC gồm có 01 Trụ sở chính đặt tại 750 Điện Biên Phủ, Quận 10 Tp. Hồ Chí Minh và các đơn vị trực thuộc, công ty liên kết:

❖ Trung tâm Kinh doanh và Dịch vụ Kỹ thuật

- Địa chỉ: 750 Điện Biên Phủ, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84.8) 8331106; 8302774 Fax: (84.8) 8300253

❖ Trung tâm Hạ tầng mạng

- Địa chỉ: Lầu 5, 750 Điện Biên Phủ, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84.8) 8331106 Fax: (84.8) 8300253

❖ Trung tâm sản xuất Thẻ thông minh

- Địa chỉ: 750B Điện Biên Phủ, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84.8) 8309055 Fax: (84.8) 8309056

❖ Chi nhánh Công ty tại Hà Nội

- Địa chỉ: 201-202 toà nhà 10 tầng, 699 Trương Định, Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội.
- Điện thoại: (84.4) 6423368 Fax: (84.4) 6423386

❖ Công ty cổ phần công nghệ mạng Việt Thành Công

- Địa chỉ: 497/3 Sư Vạn Hạnh, P.12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84.8) 8680996 Fax: (84.8) 8680997

❖ Công ty công nghệ tích hợp

- Địa chỉ: 750 Điện Biên Phủ, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84.8) 8331106 Fax: (84.8) 830025

1.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định định hướng phát triển ngắn, dài hạn, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

1.2 Hội đồng quản trị

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

1.3 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.4 Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng Giám đốc đứng đầu là Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị cử và bãi miễn. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là Phó Tổng giám đốc là người giúp việc cho Tổng giám đốc, điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về các nhiệm vụ được phân công và giao quyền. Phó Tổng giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức theo đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty. Công ty hiện có 01 (một) Phó Tổng giám đốc phụ trách Trung tâm Sản xuất Thẻ Thông minh.

1.5 Các phòng chức năng và các đơn vị trực thuộc.

Phòng Kế toán – Thống kê – Tài chính: có nhiệm vụ tham mưu cho Tổng giám đốc và trực tiếp thực hiện toàn bộ công tác kế toán, thống kê của Công ty, bao gồm việc lập các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật đối với công ty cổ phần. Phòng còn có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thanh toán, thu hồi công nợ đối với khách hàng, nội bộ Công ty và các nghiệp vụ khác. Phòng hiện có 7 người.

Phòng Tổ chức – Hành chính: có nhiệm vụ tham mưu cho Tổng giám đốc và giải quyết các vấn đề về tổ chức, nhân sự, lao động, tiền lương và các vấn đề đối nội khác như bảo vệ, phương tiện đi lại, phục vụ. Phòng còn có nhiệm vụ bảo đảm an toàn lao động, giải quyết các chế độ bảo đảm quyền lợi của người lao động. Bên cạnh đó, Phòng kết hợp với các bộ phận khác tiến hành tuyển dụng, đào tạo và đào tạo lại công nhân viên của Công ty. Hiện Phòng có 09 người, trong đó có 01 lái xe, đội bảo vệ 03 người và 02 nhân viên tạp vụ.

Trung tâm Kinh doanh và Dịch vụ kỹ thuật: có nhiệm vụ tham mưu trực tiếp cho Tổng giám đốc về đầu tư kỹ thuật, dịch vụ kỹ thuật; về kế hoạch kinh doanh, tiếp thị và tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ thông qua việc đàm phán ký kết hợp đồng với khách hàng; triển khai và thực hiện toàn bộ các kế hoạch xây lắp, bảo hành, bảo dưỡng, ứng cứu đột xuất đối với các sản phẩm của Công ty cũng như các sản phẩm của khách hàng có hợp đồng dịch vụ với Công ty. Thực hiện bảo hành các thiết bị thông tin liên lạc 24/24 đối với các hợp đồng đã ký với khách hàng. Lập các kế hoạch và phương án thực hiện hàng quý, hàng năm và các kế hoạch chiến lược dài hạn. Đề xuất các định mức vật tư, cung ứng đầy đủ các loại vật tư, thiết bị cho sản xuất nội bộ cũng như cho khách hàng của Công ty. Trực tiếp tìm kiếm, mở rộng thị trường đối với sản phẩm dịch vụ cho Công ty; xúc tiến kinh doanh, duy trì và phát triển các mối quan hệ để nghiên cứu về nhu cầu thị trường đối với các sản phẩm của Công ty. Đề xuất sản phẩm mới, các dự án đầu tư, hợp tác kỹ thuật và thực hiện các dự án được phê duyệt. Đào tạo nhân lực đáp ứng được yêu cầu của công việc. Trung tâm hiện có 69 người.

Trung tâm Hạ tầng mạng: có nhiệm vụ tham mưu trực tiếp cho Tổng giám đốc về đầu tư xây dựng, cho thuê cơ sở hạ tầng mạng trạm BTS; cho thuê dịch vụ inbuilding; chịu trách nhiệm mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị liên quan đến hạ tầng BTS và inbuilding; nghiên cứu, tìm kiếm và mở rộng thị trường để cung cấp các dịch vụ mới và đào tạo nhân lực đáp ứng được yêu cầu công việc. Trung tâm vừa thành lập, hiện có 04 người và đang chuẩn bị tuyển thêm nhân lực để thực hiện các hợp đồng mới ký kết.

Chi nhánh Hà Nội: có nhiệm vụ xúc tiến, kinh doanh thiết bị, sản phẩm, linh kiện lĩnh vực viễn thông và tin học; cung cấp các dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh và dịch vụ kỹ thuật mạng lưới nhằm mở rộng thị phần sản phẩm và dịch vụ của Công ty tại Hà Nội và các tỉnh phía Bắc. Chi nhánh có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc, là một bộ phận cấu thành của hệ thống tổ chức của Công ty, chịu sự chỉ đạo và theo phân cấp quản lý của Công ty. Chi nhánh Hà Nội hiện có 30 người.

Trung tâm Sản xuất Thẻ Thông minh: tổ chức thực hiện các kế hoạch sản xuất sản phẩm thẻ, đảm bảo vận hành dây chuyền sản xuất an toàn, sản xuất sản phẩm đúng yêu cầu của khách hàng. Hiện nay, do Trung tâm Sản xuất Thẻ Thông minh hoạt động theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh nên có vị trí tương đối độc lập, hạch toán kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh riêng. Trung tâm hiện có 105 người.

2. Lý lịch các cá nhân trong Ban điều hành

2.1 Ông Trần Việt Tổng

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Viễn thông VTC

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 20/11/1954
- Nơi sinh: Thừa Thiên Huế
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện tử, Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1977 đến năm 1985: Giáo viên Khoa điện, Trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng
 - Từ năm 1986 đến năm 1987: Kỹ sư Xí nghiệp sửa chữa Thiết bị thông tin 3, Đà Nẵng
 - Từ năm 1988 đến năm 1993: Kỹ sư Xí nghiệp Liên doanh sản xuất Thiết bị Viễn thông Việt Nam (VTC)
 - Từ năm 1993 đến năm 1999: Phó Giám đốc Trung tâm OMC2, Công ty Thiết bị điện thoại VITECO
 - Từ năm 1999 đến năm 2004: Phó Trưởng trung tâm OMC, Thành viên BKS Công ty Cổ phần Viễn thông VTC
 - Từ năm 2004 đến năm 2006: Phó Tổng Giám đốc, Trưởng Trung tâm OMC thuộc Công ty cổ phần Viễn thông VTC
 - Từ năm 2006 đến tháng 04 năm 2007: Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Viễn thông VTC
 - Từ tháng 04 năm 2007 đến nay: Ủy viên HĐQT/ Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Viễn thông VTC
- Số cổ phần nắm giữ: **594.389 cổ phần**, trong đó:
 - 583.200 cổ phần (đại diện phần vốn của VNPT) chiếm 22,36% vốn điều lệ
 - 11.189 cổ phần (sở hữu cá nhân) chiếm tỷ lệ 0,43% vốn điều lệ
- Những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức phát hành: Không

2.2 Ông Lê Văn Giảng

Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Viễn thông VTC

- Giới tính: Nam
 - Ngày sinh: 15/08/1956
 - Nơi sinh: Tam Hiệp, Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện tử
 - Trình độ lý luận chính trị: Sơ cấp
 - Số cổ phần nắm giữ: **604.273** cổ phần
- Trong đó:
- 583.200 cổ phần (đại diện phần vốn của VNPT) chiếm 22,36% vốn điều lệ
 - 21.073 cổ phần (sở hữu cá nhân) chiếm tỷ lệ 0,81% vốn điều lệ
- Những người có liên quan: Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức phát hành: Không

3. Số lượng Cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động.

3.1 Số lượng CBNV:

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại thời điểm 31/12/2007 là 230 người, trong đó:

- Lao động có trình độ Đại học và trên Đại học là 175 người chiếm 76,1% tổng số CBVN trong Công ty.
- Lao động có trình độ Trung cấp là 24 người chiếm 10,4% tổng số CBVN trong Công ty.
- Lao động dưới trình độ Trung cấp là 31 người chiếm 13,5% tổng số CBVN trong Công ty.

3.2 Chính sách đối với Người lao động:

- Tất cả người lao động làm việc tại Công ty cổ phần Viễn thông VTC đều được ký Hợp đồng lao động và được hưởng tất cả các chế độ theo Quy định của Bộ luật Lao động như: Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y Tế, thời gian nghỉ ngơi và các chế độ về lao động nữ,...
- Mức lương bình quân năm 2007 khoảng 4,1 triệu VNĐ/ người/ tháng.
- Công ty còn tạo điều kiện và khuyến khích người lao động học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ để công tác đạt hiệu quả cao. Hàng năm, Công ty trích từ 1% đến 2% doanh thu để chi cho đào tạo, đào tạo lại và nâng cao tay nghề cho cán bộ nhân viên Công ty kể cả đào tạo ở nước ngoài.

3.3 Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành

Trong năm 2007, Công ty không có sự thay đổi về Tổng Giám đốc điều hành.

3.4 Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị

Tại Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Viễn thông VTC ngày 06/04/2007 đã bầu bổ sung Ông Trần Việt Tống, Ông Nguyễn Quang Hưng và Ông Võ Hùng Tiến vào HĐQT Công ty thay cho Ông Lê Phước Hưởng (về hưu), Ông Nguyễn Tất Đắc và Ông Phạm Hoàng Tuấn (hết nhiệm kỳ).

VII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

1.1 Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty gồm 01 Chủ tịch HĐQT và 04 Ủy viên HĐQT. Trong đó có 02 thành viên độc lập không điều hành.

1.1.1 Ông Lê Văn Giảng

**Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông VTC/
Giám đốc Trung tâm Sản xuất Thẻ Thông minh**

(Xem phần lý lịch Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông VTC)

1.1.2 Ông Trần Việt Tồng

Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông VTC

(Xem phần lý lịch Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông VTC)

1.1.3 Ông Nguyễn Quang Hưng

**Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Trung tâm kinh doanh và dịch vụ kỹ thuật
thuộc Công ty Cổ phần Viễn thông VTC**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 28/12/1976
- Nơi sinh: Thái Nguyên
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế
- Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1999 đến năm 2003: Nhân viên phòng Kế toán – Thống kê – Tài chính
 - Từ năm 2003 đến tháng 12 năm 2006: Phó phòng Kế toán – Thống kê – Tài chính
 - Từ tháng 01 năm 2007 đến tháng 04 năm 2007 : Giám đốc Trung tâm Kinh doanh và Dịch vụ kỹ thuật
 - Từ tháng 04 năm 2007 đến nay: Ủy viên HĐQT/ Giám đốc Trung tâm Kinh doanh và Dịch vụ kỹ thuật
- Số cổ phần nắm giữ: 244 cổ phần chiếm 0,009% vốn điều lệ
- Những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức phát hành: Không

1.1.4 Ông Nguyễn Đình Tùng

Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Viễn thông VTC

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 30/11/1971
- Nơi sinh: Hải phòng
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1992 đến năm 1995: Nhân viên Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam.
 - Từ năm 1995 đến năm 1997: Trưởng phòng Thanh toán Quốc tế, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam- Chi nhánh Đà Nẵng
 - Từ năm 1997 đến năm 2000: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam- Chi nhánh Vũng Tàu
 - Từ năm 2000 đến năm 2002 : Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
 - Từ năm 2002 đến năm 2003: Phó Giám đốc- Giám đốc Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Từ năm 2003 đến năm 2004: Giám đốc Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Từ năm 2004 đến năm 2006: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Viễn thông VTC/ Giám đốc phát triển kinh doanh Vùng phía nam Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
 - Từ năm 2006 đến nay: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Viễn thông VTC/ Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
- Số cổ phần nắm giữ: **86.895 cổ phần**
Trong đó:
86.400 cổ phần (đại diện phần vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam) chiếm 3,31% vốn điều lệ
495 cổ phần (sở hữu cá nhân) chiếm tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ
- Những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức phát hành: Không

1.1.5 Ông Võ Hùng Tiến

Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Viễn thông VTC

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 31/01/1961
- Nơi sinh: Thị xã Phan Rang, tỉnh Ninh Thuận
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1983 đến năm 1991: Giảng viên Trường Đại học Tài chính Kế toán Tp.HCM.
 - Từ năm 1992 đến năm 2002: Kiểm toán viên, sau là Phó Giám đốc Công ty Kiểm toán và tư vấn A&C, Tp.HCM.
 - Từ năm 1999 đến năm 2003: Thành viên BKS Công ty cổ phần Viễn thông VTC/ Kiểm toán viên, sau là Phó Giám đốc Công ty Kiểm toán và tư vấn A&C, Tp.HCM.
 - Từ năm 2003 đến tháng 4 năm 2007: Thành viên BKS Công ty cổ phần Viễn thông VTC/Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty Kiểm toán và tư vấn A&C, Tp.HCM
 - Từ tháng 4 năm 2007 đến nay: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Viễn thông VTC/ Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty Kiểm toán và tư vấn A&C, Tp.HCM.
- Số cổ phần nắm giữ: 11.310 cổ phần chiếm 0,43% vốn điều lệ
- Những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức phát hành: Không

1.2 Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát Công ty gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên. Trong đó có 01 thành viên độc lập không điều hành.

1.2.1 Ông Nguyễn Hùng Minh

Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Viễn thông VTC

- Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Viễn thông VTC
Giám đốc dự án thuộc Công ty Cổ phần Viễn thông VTC
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 23/08/1977
- Nơi sinh: Hà Nội

-
- Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Bảo hiểm
 - Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp
 - Quá trình công tác:
 - Từ tháng 8 năm 1999 đến tháng 05 năm 2000: Nhân viên Phòng Kế hoạch Kinh doanh, Công ty Cổ phần Viễn thông VTC
 - Từ tháng 05 năm 2000 đến tháng 12 năm 2000: Nhân viên ban dự án thành lập Trung tâm Sản xuất Thẻ Thông minh
 - Từ tháng 01 năm 2001 đến tháng 12 năm 2005: Phụ trách Bộ phận Kế hoạch Kinh doanh, Trung tâm Sản xuất Thẻ Thông minh
 - Từ tháng 01 năm 2006 đến tháng 04 năm 2007: Thành viên BKS Công ty Cổ phần Viễn thông VTC/ Phó Giám đốc Trung tâm Sản xuất Thẻ Thông minh, Công ty cổ phần Viễn thông VTC.
 - Từ tháng 04 năm 2007 đến tháng 12 năm 2007: Trưởng BKS Công ty Cổ phần Viễn thông VTC/ Phó Giám đốc Trung tâm Sản xuất Thẻ Thông minh, Công ty Cổ phần Viễn thông VTC.
 - Từ tháng 12 năm 2007 đến nay: Trưởng BKS Công ty Cổ phần Viễn thông VTC/ Giám đốc dự án Công ty/ Phó Giám đốc Trung tâm Sản xuất Thẻ Thông minh, Công ty Cổ phần Viễn thông VTC.

 - Số cổ phần nắm giữ: 1.080 cổ phần chiếm 0,04% vốn điều lệ
 - Những người có liên quan: Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức phát hành: Không

1.2.2 Ông Nguyễn Minh Trí

Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Viễn thông VTC

- Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Viễn thông VTC
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 09/04/1966
- Nơi sinh: Bình Dương
- Trình độ văn hóa: 12/12

-
- | | |
|--|--|
| - Trình độ chuyên môn: | Thạc sỹ Kinh tế |
| - Trình độ lý luận chính trị: | Trung cấp |
| - Quá trình công tác: | <ul style="list-style-type: none">▪ Từ năm 1987 đến năm 1992: Giảng viên Trường Đại học Tài chính Kế toán Thành phố Hồ Chí Minh▪ Từ năm 1992 đến tháng 4 năm 2007: Kiểm toán viên, sau là Phó Tổng Giám đốc Công ty Kiểm toán và tư vấn A&C, Thành phố Hồ Chí Minh▪ Từ tháng 4 năm 2007 đến nay: Thành viên BKS Công ty cổ phần Viễn thông VTC/ Kiểm toán viên, Phó Tổng Giám đốc Công ty Kiểm toán và tư vấn A&C, Thành phố Hồ Chí Minh |
| - Số cổ phần nắm giữ: | 0 cổ phần |
| - Những người có liên quan: | Không |
| - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức phát hành: | Không |

1.2.3 Ông Nguyễn Huỳnh Toại

Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Viễn thông VTC

- | | |
|-------------------------------|--|
| - Chức vụ hiện tại: | Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Viễn thông VTC

Phó Giám đốc Trung tâm Kinh doanh và Dịch vụ kỹ thuật thuộc Công ty Cổ phần Viễn thông VTC |
| - Giới tính: | Nam |
| - Ngày sinh: | 08/02/1973 |
| - Nơi sinh: | Thành phố Hồ Chí Minh |
| - Trình độ văn hóa: | 12/12 |
| - Trình độ lý luận chính trị: | Sơ cấp |
| - Quá trình công tác: | <ul style="list-style-type: none">▪ Từ năm 1996 đến năm 1998 : Nhân viên Trung tâm bảo hành thiết bị viễn thông- Công ty Cổ phần Viễn Liên▪ Từ năm 1998 đến năm 2006 : Tổ trưởng EWSD, Trung tâm vận hành và bảo dưỡng OMC - Công ty Cổ phần Viễn thông VTC▪ Từ năm 2006 đến tháng 4 năm 2007: Phó Giám đốc Trung tâm OMC- Công ty Cổ phần Viễn thông VTC▪ Từ tháng 4 năm 2007 đến nay: Thành viên BKS/ Phó Giám đốc Trung tâm Kinh doanh và Dịch vụ kỹ thuật - |

Công ty Cổ phần Viễn thông VTC

- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- Những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức phát hành: Không

2. Khả năng thực hiện trách nhiệm của HĐQT.

Căn cứ nhiệm vụ quyền hạn của HĐQT được quy định trong Luật doanh nghiệp cũng như trong Điều lệ Công ty, HĐQT đã thực hiện nghiêm túc chế độ công bố thông tin khách quan, chính xác, trung thực và kịp thời đến các cổ đông, nhà đầu tư; nghiêm chỉnh thực hiện những quy định về công bố thông tin do Ủy ban chứng khoán nhà nước ban hành, tuy nhiên còn một số vấn đề tồn tại:

- Chưa xây dựng xong chiến lược phát triển Công ty và các chính sách phù hợp với hoạt động SXKD của Công ty trong giai đoạn phát triển mới.
- Chưa tập trung phát huy hết khả năng của HĐQT trong việc quản trị toàn diện công ty.

3. Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT và vai trò của nó:

Cơ cấu của HĐQT chưa có các tiểu ban nhưng HĐQT đã phân công mỗi thành viên HĐQT phụ trách một lĩnh vực phù hợp với chuyên môn của mình để đưa ra những ý kiến chính xác và hiệu quả hơn, giúp HĐQT có những quyết định đúng đắn phục vụ hoạt động SXKD của Công ty.

4. Quyền lợi của các thành viên HĐQT.

Ngoài tiền thù lao các thành viên HĐQT không có quyền lợi gì khác, không có những giao dịch kinh doanh của họ với Công ty.

5. Việc bầu lại ít nhất 1/3 thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát.

Việc bầu lại 1/3 thành viên HĐQT và Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được thực hiện từ ĐHCĐ thường niên ngày 01/04/2005 và đến nay Công ty cũng vẫn tiếp tục thực hiện việc này.

6. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT trong năm 2007.

T T	Họ tên	Chức danh	SL cổ phiếu 2006		Tổng cộng	%/ VĐL	SL cổ phiếu 2007		Tổng cộng	%/ VĐL
			sở hữu	đại diện			sở hữu	đại diện		
1	Ông Lê Văn Giảng	CT. HĐQT	19.513	540.000	559.513	23,17	21.073	583.200	604.273	23,17
2	Ông Trần Việt Tổng	UV. HĐQT	10.369	540.000	550.369	22,80	11.189	583.200	594.389	22,79
3	Ông Nguyễn Quang Hưng	UV. HĐQT	234		234	0,01	244		244	0,01
4	Ông Võ Hùng Tiến	UV. HĐQT	10.480		10.480	0,43	11.310		11.310	0,43
5	Ông Nguyễn Đình Tùng	UV. HĐQT	465	160.000	160.465	6,64	495	86.400	86.895	3,33
TỔNG CỘNG			41.061	1.240.000	1.281.061	53,05	44.311	1.252.800	1.297.111	49,73

Ghi chú:

- Năm 2006: Vốn điều lệ Công ty: 24.150.000.000 đồng.
- Năm 2007: Vốn điều lệ Công ty: 26.081.870.000 đồng.

7. Thù lao của thành viên HĐQT & BKS Công ty:

Đơn vị tính: VNĐ.

TT	Họ tên	Chức danh	Thù lao 2007	Ghi chú
	Hội đồng quản trị			
1	Ông Lê Văn Giảng	Chủ tịch HĐQT	77.779.528	
2	Ông Trần Việt Tổng	Ủy viên HĐQT	38.675.258	
3	Ông Võ Hùng Tiến	Ủy viên HĐQT	43.516.210	
4	Ông Nguyễn Đình Tùng	Ủy viên HĐQT	44.260.972	
5	Ông Nguyễn Quang Hưng	Ủy viên HĐQT	38.675.258	
6	Ông Nguyễn Tất Đắc	Ủy viên HĐQT	5.585.714	<i>UVHĐQT đến tháng 03/2007</i>
7	Ông Phạm Hoàng Tuấn	Ủy viên HĐQT	5.585.714	<i>UVHĐQT đến tháng 03/2007</i>
	Tổng thù lao HĐQT		254.078.654	
	Ban kiểm soát			
1	Ông Nguyễn Hùng Minh	Trưởng Ban BKS	56.407.962	
2	Ông Nguyễn Huỳnh Toại	Thành viên BKS	33.518.557	
3	Ông Nguyễn Minh Trí	Thành viên BKS	33.518.557	
4	Ông Nguyễn Như Song	Trưởng Ban BKS	7.447.619	<i>Trưởng BKS đến tháng 03/2007</i>
	Tổng thù lao BKS		130.892.659	
	TỔNG CỘNG		384.971.349	

8. Các giao dịch liên quan

Trong năm 2007 không có các giao dịch liên quan của các thành viên HĐQT và BKS.

9. Các dữ liệu thống kê về cổ đông
9.1 Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông:

Xác định đến ngày 17/03/2008 (Ngày chốt danh sách cổ đông)

TT	Danh mục	Số lượng	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông nhà nước	1.166.400	11.664.000.000	44,72
2	Cổ đông đặc biệt	45.391	453.910.000	1,74
	- Hội đồng quản trị	44.311	443.110.000	1,70
	- Ban Tổng Giám đốc			
	- Ban Kiểm soát	1.080	10.800.000	0,04
3	Cổ đông trong Công ty	12.846	128.460.000	0,49
	- Cán bộ công nhân viên	12.846	128.460.000	0,49
4	Cổ đông ngoài Công ty	1.377.997	13.779.970.000	52,83
5	Cổ phiếu quỹ	5.553	55.530.000	0,21
	Tổng cộng	2.608.187	26,081,870,000	100,00

9.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty:

T T	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), đại diện bởi: a. Ông Lê Văn Giảng b. Ông Trần Việt Tống	23 Phan Chu Trinh, Hà Nội. 300/52 Nguyễn Văn Linh, Phường Bình Thuận, Quận 07, Tp.HCM 270B/9/22/5 Lý Thường Kiệt, Phường 6, Quận Tân Bình, Tp.HCM	1.166.400 583.200 583.200	44,72% 22,36% 22,36%
2	Ông Nguyễn Ngọc Sơn	46 Đặng Thị Nhu, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM	163.046	6,25%
TỔNG CỘNG			1.329.446	50,97%

TP Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 04 năm 2008

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC**

(Đã ký)

LÊ VĂN GIẢNG